TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2022
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Tạ Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Cum Anh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị Thanh T,** sinh năm 1991
Nơi cư trú: ấp N1A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Bị đơn: ông **Võ Phước H**, sinh năm 1989
Nơi cư trú: ấp N1A, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Trần Thị Thanh T trình bày: bà và ông Võ Phước H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2012 đến ngày 11/01/2014 thì ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Thời gian đầu bà T và ông H chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do ông H và bà T bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có sự đồng cảm chia sẻ, ông H cũng thường xuyên vắng nhà, bà T và ông H đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Phước H. Về con chung thì giữa bà T và ông H có 01 con chung là Võ Vi V (nam) sinh ngày 06/11/2013, hiện cháu đang sinh sống bên bà T nên bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian bà và ông H chung sống thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Phước H xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02KH/2014 ngày 11/01/2014, do đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, quan hệ pháp luật trên do Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Võ Phước H không đến tham dự các phiên hòa giải vào ngày 04/4/2022 và 27/4/2022 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử công khai vào ngày 19/5/2022 nhưng ông H vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn Võ Phước H vẫn vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn Võ Phước H.

[3] Theo bà Trần Thị Thanh T trình bày, nguyên nhân giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông H và bà bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, ông H thường xuyên vắng nhà, mặc dù bà T đã cố gắng hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và hiện nay giữa vợ chồng không còn tình cảm nên bà T yêu cầu ly hôn. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn Võ Phước H nhưng việc bị đơn không đến tham dự các phiên hòa giải tại Tòa án cũng cho thấy bị đơn không còn tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà T, đồng thời tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Trần Thị Thanh T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: bà T và ông H có 01 con chung là Võ Vi V (nam) sinh ngày 06/11/2013, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung do cháu V hiện đang sinh sống bên bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về vấn đề nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng xét con chung của bà T và ông H đang sinh sống ổn định bên bà T. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho cháu V, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V là được sống với mẹ là bà T. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Võ Phước H.

- *Về con chung:* giao cháu Võ Vi V (nam) sinh ngày 06/11/2013 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Phước H, không ai được quyền ngăn cản

- *Về tài sản chung, nợ chung:* tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007159 ngày 08/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b)

Nguyễn Thị Thu An